

AFT-KEU.CN-F.C.0-Au- 4 Giai đoạn lọc

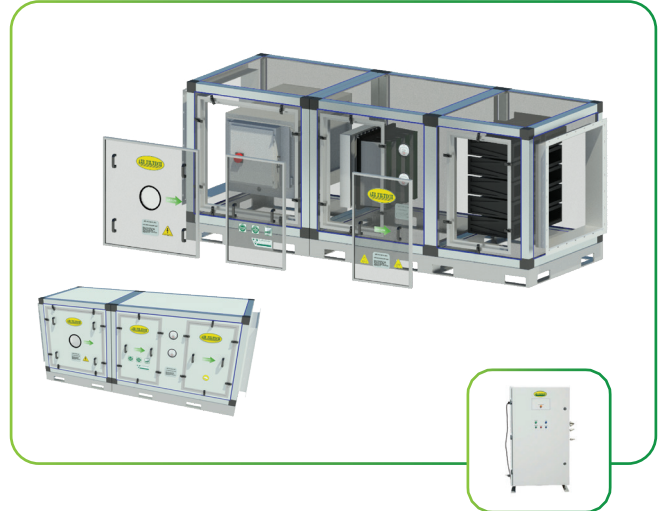
Bộ xử lý khí thải nhà bếp Air Filtech -KEU

04 giai đoạn: ESP + G4 + F7 + Carbon

Kèm thiết bị tự động làm sạch Autowash

Không có chứng chỉ UL

- Các ngăn khử bụi bên trong được làm bằng nhôm, có khả năng chống ăn mòn và rỉ sét.
 - Hệ thống điều khiển thông minh có thể thực hiện giám sát và điều khiển sản phẩm theo thời gian thực thông qua mạng từ xa.
 - Bộ lọc khí Air Filtech G4, F7, Carbon, theo tiêu chuẩn ISO 16890/EN 779, UL 900 theo yêu cầu.
 - Phân hạng năng lượng A+ cho Bộ lọc tinh (Eurovent)
- => tiết kiệm năng lượng.



Thông số kỹ thuật

Model		KEU.CN-4000-FC.0-M*-Au	KEU.CN-4700-FC.0-M*-Au	KEU.CN-8000-FC.0-M*-Au	KEU.CN-9400-FC.0-M*-Au	KEU.CN-13000-FC.0-M*-Au
Lưu lượng khí định mức (N)	m³/h	4000	4700	8000	9400	13000
Lưu lượng khí tối đa (M)	m³/h	4800	4800	9600	14400	19200
Tổng chênh áp tại Nominal/Max (m3/h)	Pa	248/298	292/298	309/370	242/370	251/370
Kích thước WxHxD có Panel	mm	1040x1220x2710	1092x1220x2710	1713x1220x2710	2000x1220x2710	2620x1220x2710
Kích thước WxHxD (vật liệu khác)	mm	905x1035x2140	957x1035x2140	1578x1035x2140	1865x1035x2140	2485x1035x2140
Trọng lượng (Panel/Vật liệu khác)	Kg	395/289	404/297	593/470	717/586	900/753
Tổng điện năng tiêu thụ	W	90	106	184	212	276
Giai đoạn 1: Bộ lọc tĩnh điện ESP (bao gồm lưới lọc thô)						
Điện năng tiêu thụ	W	90	106	184	212	276
Nguồn điện		220/240 V 50 Hz 1ph				
Hiệu suất lọc, lên đến	%	95	95	95	95	95
Chênh áp tại N/M (m³/h)	Pa	30/40	30/40	30/40	30/40	30/40
Giai đoạn 2: Bộ lọc Air Filtech G4 - Sợi Polyester Chênh áp khuyến nghị: 200 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmxpcs	594x594x46x01pcs 594x289x46x01pcs	594x594x46x01pcs 594x289x46x01pcs	594x594x46x02pcs 594x289x46x02pcs	594x594x46x03pcs 594x289x46x03pcs	594x594x46x04pcs 594x289x46x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	79/100	93/100	79/100	62/99	64/99
Giai đoạn 3: Bộ lọc Air Filtech F7 – Sợi thủy tinh Chênh áp khuyến nghị: 300 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmxpcs	592x592x635x01pcs 592x287x635x01pcs	592x592x635x01pcs 592x287x635x01pcs	592x592x635x02pcs 592x287x635x02pcs	592x592x635x03pcs 592x287x635x03pcs	592x592x635x04pcs 592x287x635x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	48/60	56/60	48/60	37/59	39/59
Giai đoạn 4: Bộ lọc Than hoạt tính						
Kích thước x số lượng:	mm x pcs	300x150x440x12pcs	300x150x440x12pcs	300x150x440x24pcs	300x150x440x36pcs	300x150x440x48pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	121/155	143/155	182/232	143/227	148/227

M*: Vật liệu vỏ máy

P: Tấm Panel.

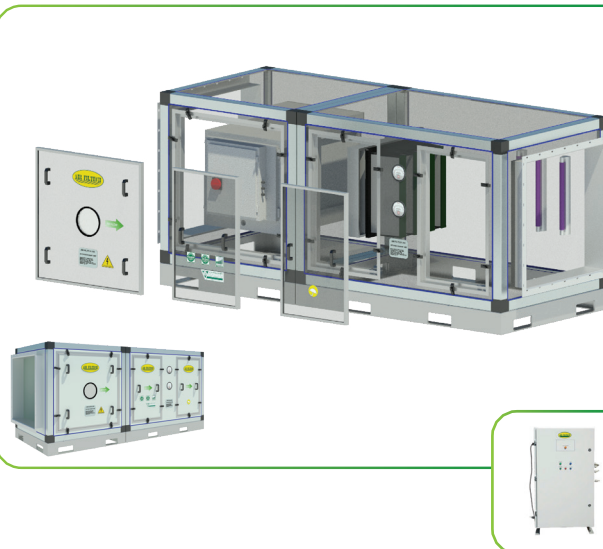
CSP: Thép sơn tĩnh điện

SS430: Inox 430

SS304: Inox 304

AFT-KEU.CN-F.0.U-Au- 4 Giai đoạn lọc**Bộ xử lý khí thải nhà bếp Air Filtech -KEU****04 giai đoạn: ESP + G4 + F7 + UV****Kèm thiết bị tự động làm sạch Autowash****Không có chứng chỉ UL**

- Các ngăn khử bụi bên trong được làm bằng nhôm, có khả năng chống ăn mòn và rỉ sét.
- Hệ thống điều khiển thông minh có thể thực hiện giám sát và điều khiển sản phẩm theo thời gian thực thông qua mạng từ xa.
- Bộ lọc khí Air Filtech G4, F7, theo tiêu chuẩn ISO 16890/EN 779, UL 900 theo yêu cầu.
- Phân hạng năng lượng A+ cho Bộ lọc tinh (Eurovent) => tiết kiệm năng lượng.
- Đèn UV: Bức xạ UV-C sóng ngắn với đỉnh ở mức 253.7 nm (UV-C). Tuổi thọ dài 18,000 giờ.
- Lớp phủ bảo vệ bên trong đảm bảo đầu ra UV-C ổn định trong suốt toàn bộ tuổi thọ của đèn.

**Thông số kỹ thuật**

Model		KEU.CN-4000-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-4700-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-8000-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-9400-F.0.U-M*-Au	KEU.CN-13000-F.0.U-M*-Au
Lưu lượng định mức với DOP 95%: N	m³/h	4000	4700	8000	9400	13000
Lưu lượng tối đa với DOP 90%: M	m³/h	5100	5100	10200	15000	20000
Tổng chênh áp tại mức N/M (m³/h)	Pa	167/227	189/227	167/227	139/225	143/225
Kích thước WxHxD với Panel	mm	1040x1220x2720	1092x1220x2720	1713x1220x2720	2000x1220x2720	2620x1220x2720
Kích thước WxHxD với vật liệu khác	mm	905x1035x2150	957x1035x2150	1578x1035x2150	1865x1035x2150	2485x1035x2150
Trọng lượng thiết bị Panel/Vật liệu khác	Kg	318/212	318/221	439/316	486/355	592/445
Tổng điện năng tiêu thụ	W	240	306	484	587	726
Giai đoạn 1: Lọc tĩnh điện ESP						
Điện năng tiêu thụ	W	90	106	184	212	276
Nguồn điện		220/240 V 50 Hz 1ph				
Hiệu suất lọc, lên đến	%	95	95	95	95	95
Chênh áp tại N/M (m³/h)	Pa	30/40	30/40	30/40	30/40	30/40
Giai đoạn 2: Lọc Air Filtech G4 – Sợi Polyester Chênh áp khuyến nghị: 200 Pa						
Kích thước x số lượng:	mm x pcs	594x594x46x 01pcs 594x289x46x 01pcs	594x594x46x 01pcs 594x289x46x 01pcs	594x594x46x 02pcs 594x289x46x 02pcs	594x594x46x 03pcs 594x289x46x 03pcs	594x594x46x 04pcs 594x289x46x 04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	79/100	93/100	79/100	62/99	64/99
Giai đoạn 3: Lọc Air filtech F7 – Sợi thủy tinh Chênh áp khuyến nghị: 300 Pa						
Kích thước x số lượng:	mm x pcs	592x592x635x 01pcs 592x287x635x 01pcs	592x592x635x 01pcs 592x287x635x 01pcs	592x592x635x 02pcs 592x287x635x 02pcs	592x592x635x 03pcs 592x287x635x 03pcs	592x592x635x 04pcs 592x287x635x 04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	48/60	56/60	48/60	37/59	39/59
Giai đoạn 4: Đèn UV (với cửa chớp chắn trước đèn UV)						
Điện năng tiêu thụ:	W	150	200	300	375	450
Số lượng đèn UV (25W):	pcs	6	8	12	15	18
Nguồn điện:		220/240 V 50 Hz 1ph				
Chênh áp tại N/M (m³/h):	Pa	40/67	40/67	40/67	40/67	40/67

M*: Vật liệu vỏ máy

P: Tấm Panel.

CSP: Thép sơn tĩnh điện

SS430: Inox 430

SS304: Inox 304

Tùy chọn: Thiết bị rửa tự động Autowash

AFT-KEU.CN-F.0.0-Au- 3 Giai đoạn lọc

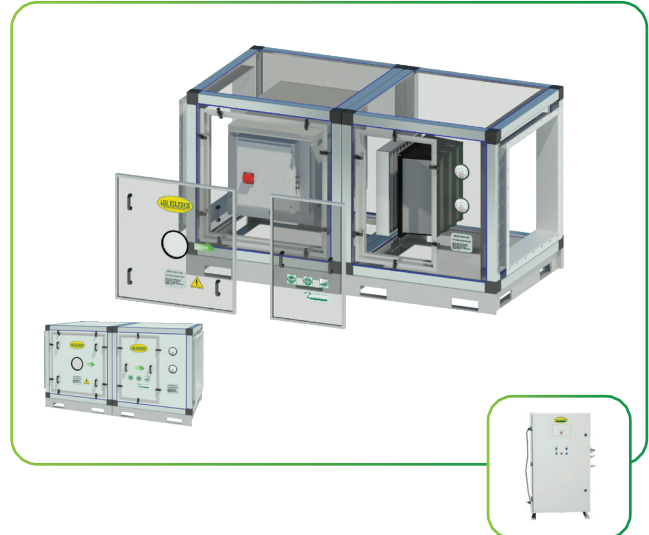
Bộ xử lý khí thải nhà bếp Air Filtech -KEU

03 giai đoạn: ESP + G4 + F7

Kèm thiết bị tự động làm sạch Autowash

Không có chứng chỉ UL

- Các ngăn khử bụi bên trong được làm bằng nhôm, có khả năng chống ăn mòn và rỉ sét.
 - Hệ thống điều khiển thông minh có thể thực hiện giám sát và điều khiển sản phẩm theo thời gian thực thông qua mạng từ xa.
 - Bộ lọc khí Air Filtech G4, F7, theo tiêu chuẩn ISO 16890/EN 779, UL 900 theo yêu cầu.
 - Phân hạng năng lượng A+ cho Bộ lọc tinh (Eurovent)
- => tiết kiệm năng lượng.



Thông số kỹ thuật

Model		KEU.CN-4000-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-4700-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-8000-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-9400-F.0.0-M*-Au	KEU.CN-13000-F.0.0-M*-Au
Lưu lượng định mức với DOP 95%: N	m³/h	4000	4700	8000	9400	13000
Lưu lượng tối đa với DOP 90%: M	m³/h	5100	5100	10200	15000	20000
Tổng chênh áp tại mức N/M (m³/h)	Pa	127/160	149/160	127/160	99/158	103/158
Kích thước WxHxD với Panel	mm	1040x1220x2220	1092x1220x2220	1713x1220x2220	2000x1220x2220	2620x1220x2220
Kích thước WxHxD với vật liệu khác	mm	905x1035x1650	957x1035x1650	1578x1035x1650	1865x1035x1650	2485x1035x1650
Trọng lượng thiết bị Panel/Vật liệu khác	Kg	288/184	297/191	401/277	444/311	543/392
Tổng điện năng tiêu thụ	W	90	106	184	212	276
Giai đoạn 1: Lọc tĩnh điện ESP						
Điện năng tiêu thụ	W	90	106	184	212	276
Nguồn điện		220/240 V 50 Hz 1ph				
Hiệu suất lọc, lên đến	%	95	95	95	95	95
Chênh áp tại N/M (m³/h)	Pa	30/40	30/40	30/40	30/40	30/40
Giai đoạn 2: Lọc Air Filtech G4 – Sợi Polyester Chênh áp khuyến nghị: 200 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmxpcs	594x594x46x01pcs 594x289x46x01pcs	594x594x46x01pcs 594x289x46x01pcs	594x594x46x02pcs 594x289x46x02pcs	594x594x46x03pcs 594x289x46x03pcs	594x594x46x04pcs 594x289x46x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	79/100	93/100	79/100	62/99	64/99
Giai đoạn 3: Lọc Air filtech F7 – Sợi thủy tinh Chênh áp khuyến nghị: 300 Pa						
Kích thước x số lượng:	mmxpcs	592x592x635x01pcs 592x287x635x01pcs	592x592x635x01pcs 592x287x635x01pcs	592x592x635x02pcs 592x287x635x02pcs	592x592x635x03pcs 592x287x635x03pcs	592x592x635x04pcs 592x287x635x04pcs
Chênh áp tại lưu lượng N/M (m³/h):	Pa	48/60	56/60	48/60	37/59	39/59

M*: Vật liệu vỏ máy

P: Tấm Panel.

CSP: Thép sơn tĩnh điện

SS430: Inox 430

SS304: Inox 304